

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4373/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 11 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Kế hoạch số 166-KH/TU ngày 02/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 141-KH/BCS-UBND của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh và Kế hoạch số 5874/KH-UBND ngày 08/6/2018 của UBND tỉnh về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Kế hoạch số 177-KH/TU ngày 16/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 142-KH/BCS-UBND ngày 16/5/2018 của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh và Kế hoạch số 5874/KH-UBND ngày 08/6/2018 của UBND tỉnh về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3105/TTr-SGDĐT ngày 13/11/2018 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 4165/TTr-SNV ngày 03/12/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (Đề án số 3099/ĐA-SGDĐT ngày 13/11/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo kèm theo).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai căn cứ nội dung Đề án được phê duyệt để tổ chức triển khai thực hiện theo quy định; tham mưu xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động phù hợp. Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày Đề

án được phê duyệt phải tham mưu xây dựng, ban hành Đề án vị trí việc làm của đơn vị trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Giao Giám đốc Sở Nội vụ theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện theo nội dung quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Nội vụ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ban Tổ chức TU;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.



CHỦ TỊCH

Đình Quốc Thái

Số: 8099 /ĐA-SGDĐT

Đồng Nai, ngày 13 tháng 11 năm 2018

ĐỀ ÁN

Sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của Sở Giáo dục và Đào tạo
(Kèm theo Tờ trình số 3105/TTr-SGDĐT ngày 13 tháng 11 năm 2018 của
Sở Giáo dục và Đào tạo

PHẦN I

SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT

Đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; giảm chi thường xuyên và góp phần cải cách chính sách tiền lương. Cụ thể hóa các nội dung của Nghị quyết số 18/NQ-TW và Kế hoạch số 166-KH/TU ngày 02/4/2018 của Tỉnh ủy Đồng Nai thành nhiệm vụ và giải pháp phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của Sở Giáo dục và Đào tạo. Tiếp tục lãnh đạo, xây dựng tổ chức bộ máy đồng bộ, tinh gọn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; xây dựng đội ngũ có số lượng phù hợp, có phẩm chất chính trị đạo đức, có trình độ năng lực chuyên môn nghiệp vụ theo tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ và đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Đó là lý do Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai xây dựng Đề án sáp nhập các Phòng thuộc Sở.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về “một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả” và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành TW Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XI;

- Kế hoạch số 166-KH/TU ngày 02/4/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017;

- Kế hoạch số 5874/KH-UBND ngày 08/6/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về “một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả”; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành TW Đảng khóa XII về tiếp tục

đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Kế hoạch số 141-KH/BCS-UBND ngày 16/5/2018 về việc thực hiện Kế hoạch số 166-KH/TU ngày 02/4/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017; Kế hoạch số 142-KH/BCS ngày 16/5/2018 của Ban Cán sự đảng UBND tỉnh về việc thực hiện Kế hoạch số 177-KH/TU ngày 16/4/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành TW Đảng khóa XII;

- Kế hoạch số 898/SGDĐT-TCCB ngày 19/4/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về “một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả”;

- Căn cứ Kế hoạch số 1750/SGDĐT-TCCB ngày 02/7/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 5874/KH-UBND ngày 08/6/2018 của UBND tỉnh và Kế hoạch số 141-KH/BCS-UBND; Kế hoạch số 142-KH/BCS ngày 16/5/2018 của Ban Cán sự đảng UBND tỉnh.

PHẦN II

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC PHÒNG SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

1. Khái quát tình hình

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đồng Nai (gọi tắt là Sở GD&ĐT) là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Cơ cấu tổ chức

Hiện tại, Sở GD&ĐT có 09 phòng chức năng và chuyên môn (Theo Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 của UBND tỉnh về việc sửa đổi Điểm b Khoản 1 Điều 5 Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của UBND tỉnh). Cụ thể như sau:

- | | |
|---|-----------------------------|
| + Ban Giám đốc gồm 01 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc | 5. Phòng Chính trị tư tưởng |
| 1. Phòng TCCB | 6. Phòng GD Mầm non |
| 2. Phòng KHTC | 7. Phòng GD Tiểu học |
| 3. Văn phòng | 8. Phòng GDTH & GDTX |
| 4. Thanh tra | 9. Phòng Khảo thí KĐCL GD |

3. Biên chế

a) Biên chế được giao

Ngày 11/01/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 102/QĐ-UBND về việc phân bổ biên chế, số người làm việc và hợp đồng lao động năm 2018. Theo Quyết định này, Sở GD&ĐT được UBND tỉnh giao là 71 người (Gồm 65 biên chế, 06 hợp đồng theo ND 68). Sở Giáo dục và Đào tạo đã phân bổ biên chế cho các phòng như sau: (Quyết định số 150/QĐ-SGDĐT ngày 02/02/2018 của Sở GD&ĐT về phân bổ biên chế công chức và hợp đồng lao động năm 2018 của các phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo)

- Ban Giám đốc: 4 biên chế; gồm 01 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc.

- Các phòng:

- + Phòng TCCB: 8 biên chế
- + Phòng GD Mầm non: 4 biên chế
- + Phòng KHTC: 8 biên chế
- + Phòng GD Tiểu học: 4 biên chế
- + Văn phòng: 13 (07 biên chế; 6 HĐ 68)
- + Phòng GDTH & GDTX: 15 biên chế
- + Thanh tra: 6 biên chế
- + Phòng Khảo thí KĐCL GD: 5 biên chế
- + Phòng Chính trị tư tưởng: 4 biên chế

Ngày 09/10/2018, UBND tỉnh ban hành Quyết định 3547/QĐ-UBND về việc giảm biên chế công chức, viên chức trong các cơ quan tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2018. Theo Quyết định này, của Sở Giáo dục và Đào tạo được giao 62 biên chế và 06 hợp đồng theo Nghị định 68 (giảm 03 biên chế).

b) Biên chế đã sử dụng (danh sách kèm theo)

Thực hiện đến ngày 01/11/2018, sử dụng 62 (Gồm 56 biên chế; 06 hợp đồng 68). Chia ra sau:

TT	Tên Phòng	Biên chế được giao (Quyết định số 150/QĐ-SGDĐT ngày 02/02/2018)	Tổng biên chế và hợp đồng đã sử dụng	Biên chế		Hợp đồng		Ghi chú
				Lãnh đạo	Chuyên viên	ND 68	Khác	
1	Ban Giám đốc	4	4	04 (01 GD; 03 PGD)				
2	Phòng TCCB	8	7	1 (TP)	6			
3	Phòng KHTC	8	5	1 (TP)	4			
4	Văn phòng	13	13	3 (1 TP; 2 PTP)	4	6		Sẽ cắt 01 biên chế theo lộ trình

5	Thanh tra	6	6	1 (TP)	5			
6	Phòng Chính trị tư tưởng	4	4	1 (TP)	3			
7	Phòng GD Mầm non	4	4	1 (TP)	3			
8	Phòng GD Tiểu học	4	4	2 (1 TP, 1 PTP)	2			Chuyển 01 biên chế qua Thanh tra
9	Phòng GDTH & GDTX	15	11	3 (1 TP, 2 PTP)	8			Sẽ cắt 02 biên chế theo lộ trình và chuyển 01 biên chế qua Thanh tra
10	Phòng Khảo thí KĐCL GD	5	4	1 (PTP)	3			
	Cộng	71	62	18	38	6	6	

Biên chế đã sử dụng hiện tại của Sở GD&ĐT là 56 biên chế và 06 hợp đồng 68 so với Quyết định 3547/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh giao là 62 biên chế và 06 hợp đồng 68. (còn 6 biên chế chưa sử dụng)

4. Nhận xét, đánh giá

4.1 Kết quả đạt được

Trong những năm qua, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo được quy định tại Thông tư Liên tịch số 11/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 29/5/2015 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc UBND tỉnh; Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 của UBND tỉnh về việc sửa đổi Điểm b Khoản 1 Điều 5 Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 38/2016/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của UBND tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

4.2 Ưu khuyết điểm, hạn chế của mô hình hiện tại

a) Ưu điểm

Việc thành lập những phòng chức năng, chuyên môn cụ thể (Theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 11/2015/TTLT-BGDĐT-BNV) giúp các Phòng thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về những việc thuộc lĩnh vực phụ trách.

b) Hạn chế

Bộ máy công kênh, không còn phù hợp với tình hình thực tế.

PHẦN III
NỘI DUNG ĐỀ ÁN KIẾN TOÀN, SẮP XẾP, TÍNH GỌN TỔ CHỨC BỘ
MÁY CỦA SỞ GD&ĐT

Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về “một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả” và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành TW Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XI;

- Kế hoạch số 166-KH/TU ngày 02/4/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017;

- Kế hoạch số 5874/KH-UBND ngày 08/6/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về “một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả”; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành TW Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Kế hoạch số 141-KH/BCS-UBND ngày 16/5/2018 về việc thực hiện Kế hoạch số 166-KH/TU ngày 02/4/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017; Kế hoạch số 142-KH/BCS ngày 16/5/2018 của Ban Cán sự đảng UBND tỉnh về việc thực hiện Kế hoạch số 177-KH/TU ngày 16/4/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành TW Đảng khóa XII;

- Kế hoạch số 898/SGDĐT-TCCB ngày 19/4/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về “một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực hiệu quả”;

- Căn cứ Kế hoạch số 1750/SGDĐT-TCCB ngày 02/7/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 5874/KH-UBND ngày 08/6/2018 của UBND tỉnh và Kế hoạch số 141-KH/BCS-UBND; Kế hoạch số 142-KH/BCS ngày 16/5/2018 của Ban Cán sự đảng UBND tỉnh, Sở Giáo dục và

Đào tạo xây dựng Đề án kiện toàn, sắp xếp, tinh gọn tổ chức hoạt động của Sở như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

Xây dựng tổ chức bộ máy đồng bộ, tinh gọn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ; xây dựng đội ngũ có số lượng phù hợp, có phẩm chất chính trị đạo đức, có trình độ năng lực chuyên môn nghiệp vụ theo tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ và đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

II. NỘI DUNG TÍNH GIẢN

+ Tinh giản biên chế công chức, lộ trình cụ thể

Căn cứ Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt đề án “Tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện thực hiện đến năm 2021” của tỉnh Đồng Nai, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện sáp nhập tinh gọn bộ máy, hoạt động hiệu lực hiệu quả; giản biên chế theo đúng lộ trình đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt như sau:

Từ 2015-2021, tinh giản 12 biên chế (Gồm 7 BC thực hiện giảm 10% so với biên chế giao năm 2015 và 05 biên chế do nghỉ hưu chỉ thực hiện 50%). Chi tiết từng năm:

2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
69	68	66	63	62	58	57

Tinh gọn bộ máy:

- Năm 2015: có 11 phòng chức năng và chuyên môn;
- Năm 2017: còn 09 phòng chức năng và chuyên môn (Giảm 02 phòng);
- Năm 2018- 2020: còn 06 phòng chức năng và chuyên môn (Giảm 03 phòng).

III. SẮP XẾP, KIẾN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY

Căn cứ theo Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 11/01/2018 của UBND tỉnh về việc phân bổ biên chế, số người làm việc và hợp đồng lao động trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức hội có tính chất đặc thù trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2018 và Quyết định số 3547/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh về giảm số biên chế công chức và viên chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2018, Sở Giáo dục và Đào tạo sắp xếp tổ chức bộ máy như sau:

1. Phương án sắp xếp, lộ trình thực hiện

1.1 Ban Giám đốc: 04 biên chế (01 Giám đốc; 03 Phó giám đốc)

1.2 Hợp nhất phòng:

1.2.1 Hợp nhất Phòng Chính trị tư tưởng vào Văn phòng (Giảm 01 phòng)

Biên chế của Văn phòng sau khi hợp nhất là 16 (Gồm 10 biên chế và 06 hợp đồng 68), lý do giảm 1 biên chế (do cắt 01 biên chế theo lộ trình tại Quyết định số 3547/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh).

Sau khi hợp nhất, Văn phòng Sở có 02 nhân sự cấp Trưởng phòng, 2 Phó Trưởng phòng (dư 01 nhân sự cấp Trưởng phòng); Sở GD&ĐT thực hiện bố trí nhân sự lãnh đạo cấp phòng như sau: Trưởng phòng Chính trị tư tưởng giữ chức vụ Chánh Văn phòng; Chánh Văn phòng (hiện tại) sẽ được điều động về đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở (Do Chánh Văn phòng hiện tại đã giữ chức vụ đến 3/2019 là 02 nhiệm kỳ (10 năm); 02 Phó Chánh văn phòng hiện tại giữ nguyên.

Do đó, biên chế của Văn phòng sau khi hợp nhất là 16; gồm: 1 Trưởng phòng, 2 Phó Trưởng phòng, 7 chuyên viên nghiệp vụ và 6 hợp đồng Nghị định 68.

1.2.2 Hợp nhất Phòng Giáo dục tiểu học và Phòng Giáo dục Trung học & Giáo dục thường xuyên; tên gọi sau khi hợp nhất là Phòng Nghiệp vụ 1 (Giảm 01 phòng).

Biên chế của Phòng Nghiệp vụ 1 sau khi hợp nhất còn lại là 15, lý do: Giảm 4 biên chế (chuyển 02 biên chế sang Phòng Thanh tra và cắt 02 biên chế theo lộ trình tại Quyết định số 3547/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh).

Phòng Nghiệp vụ 1 sau khi hợp nhất có 02 Trưởng phòng và 03 Phó Trưởng phòng (dư 01 Trưởng phòng và 01 phó trưởng phòng); Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện bố trí nhân sự lãnh đạo cấp phòng như sau:

- 01 Trưởng phòng Giáo dục Tiểu học (trước khi Hợp nhất) giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ 1.

- 01 Phó Trưởng phòng Giáo dục Tiểu học (trước khi Hợp nhất) giữ chức vụ Phó Chánh Thanh tra Sở.

Biên chế của Phòng Nghiệp vụ 1 sau khi sắp xếp hợp nhất, là 15 biên chế, gồm: 1 Trưởng phòng, 3 Phó Trưởng phòng (dư 01 Phó Trưởng phòng, sẽ nghỉ hưu vào tháng 02/2020), 11 chuyên viên nghiệp vụ. Sau tháng 02/2020, cơ cấu Phòng Nghiệp vụ 1 có số lượng Phó Trưởng phòng đúng theo quy định.

1.2.3 Hợp nhất Phòng Khảo thí kiểm định chất lượng giáo dục vào Phòng Giáo dục mầm non; tên gọi sau khi hợp nhất là Phòng Nghiệp vụ 2 (Giảm 01 phòng).

Biên chế của Phòng Nghiệp vụ 2 sau khi hợp nhất là 9 biên chế, gồm: 01 Trưởng phòng và 01 Phó trưởng phòng và 7 chuyên viên nghiệp vụ.

1.2.4 Phòng Tổ chức cán bộ: Giữ nguyên 08 biên chế gồm 1 Trưởng phòng, 1 Phó Trưởng phòng, 6 chuyên viên nghiệp vụ (Hiện tại đã sử dụng 7 biên chế gồm 1 Trưởng phòng và 6 chuyên viên, lộ trình Sở GD&ĐT tuyển dụng thêm đủ 8 biên chế).

1.2.5 Phòng Kế hoạch tài chính: Giữ nguyên 08 biên chế gồm 1 Trưởng phòng, 1 Phó Trưởng phòng, 6 chuyên viên nghiệp vụ (Hiện tại đã sử dụng 5 biên chế gồm 1 trưởng phòng và 4 chuyên viên, lộ trình Sở GD&ĐT tuyển dụng thêm đủ 8 biên chế).

1.2.6 Thanh tra Sở: Thực hiện tiếp nhận 2 biên chế từ phòng Giáo dục tiểu học và Phòng Giáo dục Trung học và Giáo dục Thường xuyên (gồm 01 Phó Trưởng phòng và 01 chuyên viên)

Sau khi tiếp nhận thêm thì biên chế, nhân sự Thanh tra sở gồm 8 biên chế, gồm: Chánh Thanh tra, 01 Phó Chánh Thanh tra (là Phó Trưởng Phòng Giáo dục tiểu học chuyển sang), 4 thanh tra viên và 01 chuyên viên (còn thiếu 01 nhân sự, Sở GD&ĐT sẽ tiếp tục đăng ký tuyển dụng thêm đủ 8 biên chế theo quy định).

2. Kết quả sau khi sắp xếp

Có 06 Phòng với 62 biên chế; 06 hợp đồng Nghị định 68 (Theo Quyết định 3547/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh về việc giảm biên chế công chức, viên chức trong các cơ quan tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2018). Phân bổ như sau:

* Ban Giám đốc: 04 biên chế. Gồm 01 Giám đốc; 03 Phó Giám đốc

1. Văn phòng: 16 (10BC; 06HD); Gồm: 01 Chánh VP; 02 Phó Chánh VP. 07 chuyên viên và 06 hợp đồng 68 (02 lái xe, 02 bảo vệ, 02 phục vụ).

2. Thanh tra: 08 BC. Gồm: 01 Chánh Thanh tra; 01 Phó Chánh Thanh tra, 05 thanh tra viên và 01 chuyên viên phụ trách pháp chế.

3. Phòng Tổ chức cán bộ: 08 BC. Gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng và 06 chuyên viên.

4. Phòng Kế hoạch tài chính: 08 BC. Gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng và 06 chuyên viên.

5. Phòng nghiệp vụ 1: 15 BC; Gồm: 01 Trưởng phòng, 03 Phó trưởng phòng và 11 chuyên viên. Đến tháng 02 năm 2020, (01 Phó trưởng phòng nghỉ hưu sẽ không bổ nhiệm thêm).

6. Phòng nghiệp vụ 2: 9 BC. Gồm: 01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng và 7 chuyên viên.

Giảm 03 Phòng so với khi chưa hợp nhất.

3. Vị trí việc làm

TT	TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng VTVL	Số lượng biên chế/ người làm việc
I	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành:</i>	4	19

1	Giám đốc	1	1
2	Phó Giám đốc	1	3
3	Trưởng (Chánh) phòng	1	6
4	Phó trưởng (Chánh) phòng	1	9
II	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp</i>	18	18
1	Phụ trách chuyên môn khối Tiểu học- Tự nhiên, tiếng Anh	1	1
2	Phụ trách chuyên môn khối Tiểu học- XH. nhạc họa	1	1
3	Phụ trách hoạt động ngoài giờ tiểu học, tin học, phổ cập GD	1	1
4	Phụ trách chuyên môn THCS-THPT môn Văn	1	1
5	Phụ trách CM THCS-THPT môn Toán	1	1
6	Phụ trách chuyên môn THCS-THPT môn GDCD- Lịch sử	1	1
7	Phụ trách chuyên môn THCS-THPT môn Địa lý	1	1
8	Phụ trách chuyên môn THCS-THPT môn Tin học	1	1
9	Phụ trách chuyên môn THCS-THPT môn Ngoại ngữ	1	1
10	Phụ trách chuyên môn THCS-THPT môn Hóa học	1	1
11	Phụ trách chuyên môn THCS-THPT môn Giáo dục thể chất	1	1
12	Phụ trách chuyên môn khối nhà trẻ	1	1
13	Phụ trách chuyên môn khối mẫu giáo	1	1
14	Phụ trách chuyên môn khối HT-MG hoạt động GD kỹ năng, phổ cập GD	1	1
15	Phụ trách chuyên môn khảo thí – cấp phát văn bằng CC	1	1
16	Phụ trách chuyên môn khảo thí	1	1
17	Phụ trách chuyên môn Kiểm định – KT ngành học MN- Tiểu học	1	1

18	Phụ trách chuyên môn Kiểm định – KT ngành học THCS-THPT	1	1
III	<i>Vị trí việc làm gắn với công việc hỗ trợ phục vụ</i>	28	31
1	Một cửa- HC công	1	1
2	Tổng hợp HC văn phòng	1	1
3	Văn thư- Lưu trữ	1	1
4	Phụ trách Công tác Chính trị tư tưởng	1	1
5	Phụ trách Công tác học sinh - sinh viên	1	1
6	Phụ trách Đoàn thể- phong trào- Phòng chống tai nạn, đuối nước- VSATTP	1	1
7	Quản trị mạng- Tin học văn phòng	1	1
8	Kế toán Văn phòng Sở + Một số đơn vị TT	1	1
9	Kế toán Ngân sách NN ngành	1	1
10	Kế toán Tài sản, Phí – Lệ phí ngành	1	1
11	Thống kê- Kế hoạch	1	1
12	Thư viện- Thiết bị	1	1
13	Thủ quỹ	1	1
14	Pháp chế	1	1
15	Thanh tra khối tiểu học- MN-PGDĐT	1	1
16	Thanh tra THCS-THPT-GDTX	1	1
17	Thanh tra ĐH, trung tâm TH-NN, phòng chống TN	1	1
18	Thanh tra phụ trách tiếp công dân, khiếu nại - tố cáo	1	1
19	Thanh tra phụ trách tài chính- kế toán-TS	1	1
20	Tổ chức cán bộ- phụ trách Tiền lương, Tuyển dụng, thử việc. Kê khai tài sản. Kỷ luật. Kỷ cương hành chính- đạo đức công vụ. Các chế	1	1

	độ chính sách liên quan.		
21	Tổ chức cán bộ phụ trách Biên chế, Hợp đồng, nghỉ hưu, nghỉ việc. Các chế độ chính sách liên quan.	1	1
22	Tổ chức cán bộ- phụ trách Đào tạo- Bồi dưỡng. Quản lý cấp phép tư vấn du học, hoạt động GD kỹ năng sống, liên kết đào tạo, mở mã ngành Đại học...	1	1
23	Tổ chức cán bộ- phụ trách phần mềm QL nhân sự Nội vụ, phần mềm QL nhân sự PMIS, Chuẩn hiệu trưởng, chuẩn NN, ISO. Hồ sơ công chức Sở.	1	1
24	Tổ chức cán bộ- phụ trách thành lập- giải thể trường học, trung tâm tin học NN. Quản lý đoàn vào- Đoàn ra. Hồ sơ công chức, viên chức đơn vị trực thuộc Sở. Hồ sơ lưu trữ liên quan đến CB-CC-VC.	1	1
25	Phụ trách thi đua ngành. Đánh giá, Công vụ.	1	1
26	Lái xe	1	2
27	Bảo vệ	1	2
28	Phục vụ	1	2
	Cộng		68

4. Số lượng vị trí trưởng/phó phòng giảm sau khi sắp xếp

- Giám 03 Trưởng phòng, 03 Phó Trưởng phòng

5. Số lượng trưởng/phó phòng dôi dư và giải pháp thực hiện

Sau khi hợp nhất Phòng Nghiệp vụ 1 có 01 Trưởng phòng và 03 Phó Trưởng phòng (01 Phó Trưởng phòng nghỉ hưu vào tháng 02/2020). Sau tháng 02/2020 cơ cấu có 01 Trưởng phòng và 02 Phó Trưởng đúng theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện

- Tháng 11/2018 trình thẩm định Đề án;

- Tháng 12/2018: Sau khi có Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh sẽ tiến hành thực hiện sắp xếp, bố trí lại tổ chức bộ máy của Sở.

2. Tổ chức thực hiện

- Giao Phòng Tổ chức cán bộ chủ trì phối hợp với các phòng chức năng tham mưu xây dựng Đề án sáp nhập các Phòng Sở; tham mưu trình UBND tỉnh (Thông qua Sở Nội vụ) điều chuyển biên chế các Phòng để thực hiện sáp nhập; tham mưu trình UBND tỉnh (Thông qua Sở Nội vụ) ban hành Quyết định quy định quy chế hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo phù hợp với các Phòng chức năng Sở khi sáp nhập; tham mưu Giám đốc Sở ban hành Quyết định điều động công chức và Quyết định quy định chức năng nhiệm vụ của các Phòng Sở sau khi sáp nhập. Báo cáo tiến độ thực hiện Đề án sáp nhập các Phòng Sở về Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) trước ngày 20 hàng tháng.

- Giao lãnh đạo các Phòng chức năng Sở có trách nhiệm phối hợp với Phòng Tổ chức cán bộ thống nhất về nhân sự, xây dựng Đề án sáp nhập Phòng; quán triệt đến toàn thể công chức, đảng viên thuộc Phòng phụ trách thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ: Không

Trên đây là Đề án sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của Sở Giáo dục và Đào tạo./.

GIÁM ĐỐC



Huỳnh Lệ Giang

THỰC TRẠNG SỬ DỤNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN, TÒ CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2018

(Kèm theo Đề án số: 3099/ĐA-SGDDT ngày 13/11/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên	Ngày tháng năm sinh	Năm tuyển dụng	Trình độ chuyên môn	Chức vụ + Lĩnh vực phụ trách	Thời gian bổ nhiệm	Biên chế có mặt đến 01/11/2018				Ghi chú
							Tổng số	Lãnh đạo	Chuyên viên	HĐ 68	
A	Sở Giáo dục và Đào tạo						62	18	38	6	0
I	Ban Giám đốc						4	4			
1	Huyền Lệ Giang	07/04/1966	11/09/1989	Thạc sỹ	Giám đốc	30/06/2014		1			
2	Trương Thị Kim Huệ	01/08/1977	04/09/2000	Thạc sỹ	Phó Giám đốc	27/02/2014		1			
3	Võ Ngọc Thạch	06/11/1963	05/09/1986	Thạc sỹ	Phó Giám đốc	19/08/2014		1			
4	Đào Đức Trình	12/12/1959	01/03/1981	Thạc sỹ	Phó Giám đốc	19/08/2014		1			
II	Văn phòng						13	3	4	6	
5	Phan Đình Chương	10/07/1963	15/10/1984	Thạc sỹ	Chánh Văn phòng	01/10/2014		1			
6	Nguyễn Bửu Tùng	04/06/1960	10/10/1980	Đại học	Phó Chánh văn phòng	01/02/2018		1			
7	Võ Thị Bích Uyên	07/08/1973	01/07/1996	Đại học	Phó Chánh văn phòng	11/02/2015		1			
8	Nguyễn Thanh Tuấn	10/10/1961	01/01/2004	Thạc sỹ	chuyên viên			1			
9	Mai Thị Hồng Liên	31/12/1978	01/05/2010	Đại học	chuyên viên			1			
10	Huyền Thị Ánh Trinh	05/08/1985	02/04/2004	Đại học	chuyên viên			1			
11	Nguyễn Thị Tô Hoa	16/05/1967	01/11/1991	Đại học	chuyên viên			1			
12	Nguyễn Văn Nam	27/07/1967	01/01/1989		Tài xế					1	
13	Trương Thanh Huyền	02/09/1970	01/03/2012	Công nhân KT - NV	Tài xế					1	
14	Phùng Duy Thục	15/12/1978	01/06/2010		Bảo vệ					1	
15	Bùi Văn Nhân	17/06/1972	01/11/2016		Bảo vệ					1	
16	Nguyễn Thị Thúy Anh	12/08/1972	12/01/2011		Phục vụ					1	
17	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	25/12/1972			Phục vụ					1	
III	Thanh tra						6	1	5		
18	Trần Trung Sơn	01/04/1962	01/10/1983	Đại học	Chánh Thanh tra	16/04/2014		1			
19	Đặng Thị Hằng	10/08/1980	01/11/2007	Thạc sỹ	Thanh tra viên			1			
20	Phan Thị Diễm Hằng	18/08/1976	01/09/1998	Thạc sỹ	Thanh tra viên			1			
21	Phan Hữu Mão	06/09/1976	05/09/1999	Thạc sỹ	Thanh tra viên			1			
22	Nguyễn Thị Kim Phụng	15/01/1979	01/06/2002	Đại học	Thanh tra viên			1			
23	Thái Thị Hồng Vân	17/05/1990	01/04/2014	Đại học	chuyên viên			1			
IV	Phòng TCCB						7	1	6		
24	Nguyễn Thị Giang	22/07/1969	05/09/1987	Thạc sỹ	Trưởng phòng	25/12/2014		1			
25	Nguyễn Nam Trung	06/04/1972	01/09/1999	Đại học	chuyên viên			1			
26	Võ Ngọc Long	04/03/1960	16/09/1981	Thạc sỹ	chuyên viên			1			



STT	Tên	Ngày tháng năm sinh	Năm tuyển dụng	Trình độ chuyên môn	Chức vụ + Lĩnh vực phụ trách	Thời gian bổ nhiệm	Biên chế có mặt đến 01/11/2018				Ghi chú
							Tổng số	Lãnh đạo	Chuyên viên	HD 68	
27	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	10/09/1967	01/04/1987	Đại học	chuyên viên			1			
28	Trần Hữu Tâm	08/07/1980	01/10/2006	Đại học	chuyên viên			1			
29	Nguyễn Thị Trúc Ty	03/05/1985	01/09/2006	Thạc sỹ	chuyên viên			1			
30	Phạm Đào Tuyết Hà	25/02/1976	06/09/1999	Thạc sỹ	chuyên viên			1			Đi học theo Đề án 165
V Phòng KHTC											
31	Đỗ Đăng Bảo Linh	02/04/1977	01/03/2003	Thạc sỹ	Tư vấn phòng	11/02/2015		1			
32	Nguyễn Thị Thùy Duyên	02/09/1978	01/08/2003	Thạc sỹ	Kế toán trưởng	29/01/2015			1		
33	Lê Bùi Chi	20/06/1978	28/10/2002	Đại học	chuyên viên				1		
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	25/11/1970	01/07/1993	Đại học	chuyên viên				1		
35	Nguyễn Thị Trà My	18/11/1987	01/03/2014	Đại học	Kế toán				1		
VI Phòng KTKĐCL											
36	Trần Tấn Tài	06/12/1967	01/01/1990	Thạc sỹ	Phó trưởng phòng	01/01/2018		1			
37	Hoàng Công Khanh	22/02/1965	01/10/1989	Thạc sỹ	chuyên viên				1		
38	Võ Long	01/07/1982	01/09/2007	Thạc sỹ	chuyên viên				1		
39	Phạm Văn Long	02/03/1973	31/12/1996	Thạc sỹ	chuyên viên				1		
VII Phòng CTT											
40	Phan Trọng Nghĩa	16/11/1967	01/09/1991	Thạc sỹ	Tư vấn phòng	11/02/2015		1			
41	Đỗ Thanh Tâm	18/4/1978	01/02/2005	Thạc sỹ	chuyên viên				1		
42	Hà Công Chính	16/09/1970	26/09/1994	Đại học	chuyên viên				1		
43	Lê Thị Thanh Uyên	01/09/1981	05/09/2002	Đại học	chuyên viên				1		
VIII Phòng GDT&H&GDTX											
44	Trần Đình Vinh	02/10/1962	01/10/1983	Thạc sỹ	Tư vấn phòng	20/01/2017	11	3	8		
45	Nguyễn Quốc Tuấn	10/10/1961	13/10/1984	Đại học	Phó trưởng phòng	20/01/2017		1			
46	Lưu Quang Ban	16/01/1960	17/09/1982	Đại học	Phó trưởng phòng	20/01/2017		1			
47	Lương Quang Dương	13/04/1966	01/10/1990	Thạc sỹ	chuyên viên				1		
48	Trần Xuân Tiếp	15/10/1980	01/09/2002	Tiến sỹ	chuyên viên				1		
49	Lê Đình Nam	19/09/1966	20/10/1986	Đại học	chuyên viên				1		
50	Phan Đức Kỳ	05/09/1978	31/08/2001	Đại học	chuyên viên				1		
51	Tăng Kim Huệ	21/04/1976	05/09/2000	Thạc sỹ	chuyên viên				1		
52	Nguyễn Trang Thủy Dung	02/07/1975	24/08/1997	Thạc sỹ	chuyên viên				1		
53	Nguyễn Tiên Lương	30/09/1984	02/09/2007	Thạc sỹ	chuyên viên				1		
54	Sù Chánh Phi	04/07/1972	01/09/2010	Đại học	chuyên viên				1		
IX Phòng GDTH											
55	Nguyễn Minh Kiểm	10/10/1962	01/04/1984	Đại học	Tư vấn phòng	12/01/2017	4	2	2		
56	Huyền Công Thuận	12/06/1968	12/10/1991	Đại học	Phó trưởng phòng	12/01/2017		1			
57	Vũ Văn Minh	06/01/1972	01/02/1997	Đại học	chuyên viên				1		

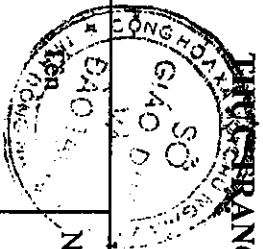
STT	Tên	Ngày tháng năm sinh	Năm tuyển dụng	Trình độ chuyên môn	Chức vụ + Lĩnh vực phụ trách	Thời gian bổ nhiệm	Biên chế có mặt đến 01/11/2018			Ghi chú
							Tổng số	Lãnh đạo	Chuyên viên	
58	Nguyễn Khánh Hậu	15/06/1969	01/09/1990	Thạc sỹ	chuyên viên			1		
X	Phòng GDMN							4	1	3
59	Trương Thị Thủy Ngân	13/11/1967	05/09/1987	Đại học	Trưởng phòng	26/09/2017		1		
60	Nguyễn Thị Lan	25/05/1964	12/10/1984	Đại học	chuyên viên				1	
61	Phạm Anh Đào	18/09/1965	15/03/1983	Đại học	chuyên viên				1	
62	Phan Thị Bích Hạnh	01/01/1970	20/12/1999	Đại học	chuyên viên				1	

Tổng cộng danh sách này có 62 người trong đó 56 biên chế và 06 hợp đồng theo Nghị định 68



THỰC SANG SỬ DỤNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN, TÒ CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2018

(Kèm theo Đề án số: 3099/ĐA-SGDDT ngày 13/11/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo)



STT	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ngày tháng năm sinh	Năm tuyển dụng	Trình độ chuyên môn	Chức vụ + Lĩnh vực phụ trách	Thời gian bổ nhiệm	Biên chế có mặt đến 01/11/2018				Ghi chú
							Tổng số	Lãnh đạo	Chuyên viên	HD 68	
A	Sở Giáo dục và Đào tạo						62	18	38	6	0
I	Ban Giám đốc						4	4			
1	Huyền Lê Giang	07/04/1966	11/09/1989	Thạc sỹ	Giám đốc	30/06/2014		1			
2	Trương Thị Kim Huệ	01/08/1977	04/09/2000	Thạc sỹ	Phó Giám đốc	27/02/2014		1			
3	Võ Ngọc Thạch	06/11/1963	05/09/1986	Thạc sỹ	Phó Giám đốc	19/08/2014		1			
4	Đào Đức Trinh	12/12/1959	01/03/1981	Thạc sỹ	Phó Giám đốc	19/08/2014		1			
II	Văn phòng						13	3	4	6	
5	Phan Đình Chương	10/07/1963	15/10/1984	Thạc sỹ	Chánh Văn phòng	01/10/2014		1			
6	Nguyễn Bửu Tùng	04/06/1960	10/10/1980	Đại học	Phó Chánh văn phòng	01/02/2018		1			
7	Võ Thị Bích Uyên	07/08/1973	01/07/1996	Đại học	Phó Chánh văn phòng	11/02/2015		1			
8	Nguyễn Thanh Tuấn	10/10/1961	01/01/2004	Thạc sỹ	chuyên viên				1		
9	Mai Thị Hồng Liên	31/12/1978	01/05/2010	Đại học	chuyên viên				1		
10	Huyền Thị Ánh Trinh	05/08/1985	02/04/2004	Đại học	chuyên viên				1		
11	Nguyễn Thị Tô Hoa	16/05/1967	01/11/1991	Đại học	chuyên viên				1		
12	Nguyễn Văn Nam	27/07/1967	01/01/1989		Tài xế					1	
13	Trương Thanh Huyền	02/09/1970	01/03/2012	Công nhân KT - NV	Tài xế					1	
14	Phùng Duy Thục	15/12/1978	01/06/2010		Bảo vệ					1	
15	Bùi Văn Nhân	17/06/1972	01/11/2016		Bảo vệ					1	
16	Nguyễn Thị Thúy Oanh	12/08/1972	12/01/2011		Phục vụ					1	
17	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	25/12/1972			Phục vụ					1	
III	Thanh tra						6	1	5		
18	Trần Trung Sơn	01/04/1962	01/10/1983	Đại học	Chánh Thanh tra	16/04/2014		1			
19	Đặng Thị Hằng	10/08/1980	01/11/2007	Thạc sỹ	Thanh tra viên				1		
20	Phan Thị Diễm Hằng	18/08/1976	01/09/1998	Thạc sỹ	Thanh tra viên				1		
21	Phan Hữu Mão	06/09/1976	05/09/1999	Thạc sỹ	Thanh tra viên				1		
22	Nguyễn Thị Kim Phụng	15/01/1979	01/06/2002	Đại học	Thanh tra viên				1		
23	Thái Thị Hồng Vân	17/05/1990	01/04/2014	Đại học	chuyên viên				1		
IV	Phòng TCCB						7	1	6		
24	Nguyễn Thị Giang	22/07/1969	05/09/1987	Thạc sỹ	Trưởng phòng	25/12/2014		1			
25	Nguyễn Nam Trung	06/04/1972	01/09/1999	Đại học	chuyên viên				1		
26	Võ Ngọc Long	04/03/1960	16/09/1981	Thạc sỹ	chuyên viên				1		

STT	Tên	Ngày tháng năm sinh	Năm tuyển dụng	Trình độ chuyên môn	Chức vụ + Lĩnh vực phụ trách	Thời gian bổ nhiệm	Biên chế có mặt đến 01/11/2018				Ghi chú	
							Tổng số	Lãnh đạo	Chuyên viên	HD 68		
27	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	10/09/1967	01/04/1987	Đại học	chuyên viên			1				
28	Trần Hữu Tâm	08/07/1980	01/10/2006	Đại học	chuyên viên			1				
29	Nguyễn Thị Trúc Tư	03/05/1985	01/09/2006	Thạc sỹ	chuyên viên			1				
30	Phạm Đào Tuyết Hà	25/02/1976	06/09/1999	Thạc sỹ	chuyên viên			1			Đi học theo Đề án 165	
V	Phòng KHTC							5	1	4	0	
31	Đỗ Đăng Bảo Linh	02/04/1977	01/03/2003	Thạc sỹ	Trưởng phòng	11/02/2015		1				
32	Nguyễn Thị Thủy Duyên	02/09/1978	01/08/2003	Thạc sỹ	Kế toán trưởng	29/01/2015			1			
33	Lê Bùi Chí	20/06/1978	28/10/2002	Đại học	chuyên viên					1		
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	25/11/1970	01/07/1993	Đại học	chuyên viên					1		
35	Nguyễn Thị Trà My	18/11/1987	01/03/2014	Đại học	Kế toán					1		
VI	Phòng KTKĐCL							4	1	3		
36	Trần Tấn Tài	06/12/1967	01/01/1990	Thạc sỹ	Phó trưởng phòng	01/01/2018		1				
37	Hàng Công Khâm	22/02/1965	01/10/1989	Thạc sỹ	chuyên viên					1		
38	Vô Long	01/07/1982	01/09/2007	Thạc sỹ	chuyên viên					1		
39	Phạm Văn Long	02/03/1973	31/12/1996	Thạc sỹ	chuyên viên					1		
VII	Phòng CNTT							4	1	3		
40	Phan Trọng Nghĩa	16/11/1967	01/09/1991	Thạc sỹ	Trưởng phòng	11/02/2015		1				
41	Đỗ Thanh Tâm	18/4/1978	01/02/2005	Thạc sỹ	chuyên viên					1		
42	Hà Công Chính	16/09/1970	26/09/1994	Đại học	chuyên viên					1		
43	Lê Thị Thanh Uyên	01/09/1981	05/09/2002	Đại học	chuyên viên					1		
VIII	Phòng GDT-H&GDTX							11	3	8		
44	Trần Đình Vinh	02/10/1962	01/10/1983	Thạc sỹ	Trưởng phòng	20/01/2017		1				
45	Nguyễn Quốc Tuấn	10/10/1961	13/10/1984	Đại học	Phó trưởng phòng	20/01/2017		1				
46	Lưu Quang Ban	16/01/1960	17/09/1982	Đại học	Phó trưởng phòng	20/01/2017		1				
47	Lương Quang Dương	13/04/1966	01/10/1990	Thạc sỹ	chuyên viên					1		
48	Trần Xuân Tiếp	15/10/1980	01/09/2002	Tiến sỹ	chuyên viên					1		
49	Lê Đình Nam	19/09/1966	20/10/1986	Đại học	chuyên viên					1		
50	Phan Đức Kỳ	05/09/1978	31/08/2001	Đại học	chuyên viên					1		
51	Tăng Kim Huệ	21/04/1976	05/09/2000	Thạc sỹ	chuyên viên					1		
52	Nguyễn Trang Thùy Dung	02/07/1975	24/08/1997	Thạc sỹ	chuyên viên					1		
53	Nguyễn Tiên Lương	30/09/1984	02/09/2007	Thạc sỹ	chuyên viên					1		
54	Sis Chánh Phi	04/07/1972	01/09/2010	Đại học	chuyên viên					1		
IX	Phòng GDT-H							4	2	2		
55	Nguyễn Minh Kiên	10/10/1962	01/04/1984	Đại học	Trưởng phòng	12/01/2017		1				
56	Huyền Công Thuận	12/06/1968	12/10/1991	Đại học	Phó trưởng phòng	12/01/2017		1				
57	Vũ Văn Minh	06/01/1972	01/02/1997	Đại học	chuyên viên					1		

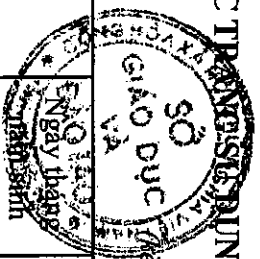
STT	Tên	Ngày tháng năm sinh	Năm tuyển dụng	Trình độ chuyên môn	Chức vụ + Lĩnh vực phụ trách	Thời gian bổ nhiệm	Biên chế có mặt đến 01/11/2018				Ghi chú
							Tổng số	Lãnh đạo	Chuyên viên	HD 68	
58	Nguyễn Khánh Hậu	15/06/1969	01/09/1990	Thạc sỹ	chuyên viên		4	1	1		
X	Phòng GDMN										
59	Tương Thị Thủy Ngân	13/11/1967	05/09/1987	Đại học	Trưởng phòng	26/09/2017		1			
60	Nguyễn Thị Lan	25/05/1964	12/10/1984	Đại học	chuyên viên				1		
61	Phạm Anh Đào	18/09/1965	15/03/1983	Đại học	chuyên viên				1		
62	Phan Thị Bích Hạnh	01/01/1970	20/12/1999	Đại học	chuyên viên				1		

Tổng cộng danh sách này có 62 người trong đó 56 biên chế và 06 hợp đồng theo Nghị định 68



THỰC TRẠNG SƠ TRƯNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2018

theo Đề án số: 3099/ĐA-SGDDT ngày 13/11/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo



STT	Tên	Năm tuyển dụng	Trình độ chuyên môn	Chức vụ + Lĩnh vực phụ trách	Thời gian bổ nhiệm	Biên chế có mặt đến 01/11/2018				Ghi chú
						Tổng số	Lãnh đạo	Chuyên viên	HD 68	
A	Sở Giáo dục và Đào tạo					62	18	38	6	0
I	Ban Giám đốc					4	4			
1	Huyền Lê Giang	07/04/1966	Thạc sỹ	Giám đốc	30/06/2014		1			
2	Trương Thị Kim Huệ	01/08/1977	Thạc sỹ	Phó Giám đốc	27/02/2014		1			
3	Võ Ngọc Thạch	06/11/1963	Thạc sỹ	Phó Giám đốc	19/08/2014		1			
4	Đào Đức Trình	12/12/1959	Thạc sỹ	Phó Giám đốc	19/08/2014		1			
II	Văn phòng					13	3	4	6	
5	Phan Đình Chương	10/07/1963	Thạc sỹ	Chánh Văn phòng	01/10/2014		1			
6	Nguyễn Bửu Tùng	04/06/1960	Đại học	Phó Chánh Văn phòng	01/02/2018		1			
7	Võ Thị Bích Uyên	07/08/1973	Đại học	Phó Chánh Văn phòng	11/02/2015		1			
8	Nguyễn Thanh Tuấn	10/10/1961	Thạc sỹ	chuyên viên				1		
9	Mai Thị Hồng Liên	31/12/1978	Đại học	chuyên viên				1		
10	Huyền Thị Ánh Trinh	05/08/1985	Đại học	chuyên viên				1		
11	Nguyễn Thị Tô Hoa	16/05/1967	Đại học	chuyên viên				1		
12	Nguyễn Văn Nam	27/07/1967		Tài xế					1	
13	Trương Thanh Huyền	02/09/1970	Công nhân KT - NV	Tài xế					1	
14	Phùng Duy Thục	15/12/1978		Bảo vệ					1	
15	Bùi Văn Nhân	17/06/1972		Bảo vệ					1	
16	Nguyễn Thị Thúy Oanh	12/08/1972		Phục vụ					1	
17	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	25/12/1972		Phục vụ					1	
III	Thanh tra					6	1	5		
18	Trần Trung Sơn	01/04/1962	Đại học	Chánh Thanh tra	16/04/2014		1			
19	Đặng Thị Hằng	10/08/1980	Thạc sỹ	Thanh tra viên				1		
20	Phan Thị Diễm Hằng	18/08/1976	Thạc sỹ	Thanh tra viên				1		
21	Phan Hữu Mão	06/09/1976	Thạc sỹ	Thanh tra viên				1		
22	Nguyễn Thị Kim Phụng	15/01/1979	Đại học	Thanh tra viên				1		
23	Thái Thị Hồng Vân	17/05/1990	Đại học	chuyên viên				1		
IV	Phòng TCCB					7	1	6		
24	Nguyễn Thị Giang	22/07/1969	Thạc sỹ	Trưởng phòng	25/12/2014		1			
25	Nguyễn Nam Trung	06/04/1972	Đại học	chuyên viên				1		
26	Võ Ngọc Long	04/03/1960	Thạc sỹ	chuyên viên				1		

STT	Tên	Ngày tháng năm sinh	Năm tuyển dụng	Trình độ chuyên môn	Chức vụ + Lĩnh vực phụ trách	Thời gian bổ nhiệm	Biên chế có mặt đến 01/11/2018			Ghi chú	
							Tổng số	Lãnh đạo	Chuyên viên		
27	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	10/09/1967	01/04/1987	Đại học	chuyên viên			1			
28	Trần Hữu Tâm	08/07/1980	01/10/2006	Đại học	chuyên viên			1			
29	Nguyễn Thị Trúc Tư	03/05/1985	01/09/2006	Thạc sỹ	chuyên viên			1			
30	Phạm Đào Tuyết Hà	25/02/1976	06/09/1999	Thạc sỹ	chuyên viên			1		Đi học theo Đề án 165	
V	Phòng KHTC							5	1	4	0
31	Đỗ Đăng Bảo Linh	02/04/1977	01/03/2003	Thạc sỹ	Trưởng phòng	11/02/2015		1			
32	Nguyễn Thị Thùy Duyên	02/09/1978	01/08/2003	Thạc sỹ	Kế toán trưởng	29/01/2015			1		
33	Lê Bùi Chí	20/06/1978	28/10/2002	Đại học	chuyên viên				1		
34	Nguyễn Thị Thanh Thảo	25/11/1970	01/07/1993	Đại học	chuyên viên				1		
35	Nguyễn Thị Trà My	18/11/1987	01/03/2014	Đại học	Kế toán				1		
VI	Phòng KTKĐCL							4	1	3	
36	Trần Tân Tài	06/12/1967	01/01/1990	Thạc sỹ	Phó trưởng phòng	01/01/2018		1			
37	Hoàng Công Khâm	22/02/1965	01/10/1989	Thạc sỹ	chuyên viên				1		
38	Võ Long	01/07/1982	01/09/2007	Thạc sỹ	chuyên viên				1		
39	Phạm Văn Long	02/03/1973	31/12/1996	Thạc sỹ	chuyên viên				1		
VII	Phòng CTTT							4	1	3	
40	Phan Trọng Nghĩa	16/11/1967	01/09/1991	Thạc sỹ	Trưởng phòng	11/02/2015		1			
41	Đỗ Thanh Tâm	18/4/1978	01/02/2005	Thạc sỹ	chuyên viên				1		
42	Hà Công Chính	16/09/1970	26/09/1994	Đại học	chuyên viên				1		
43	Lê Thị Thanh Uyên	01/09/1981	05/09/2002	Đại học	chuyên viên				1		
VIII	Phòng GDT&H&GDTC							11	3	8	
44	Trần Đình Vinh	02/10/1962	01/10/1983	Thạc sỹ	Trưởng phòng	20/01/2017		1			
45	Nguyễn Quốc Tuấn	10/10/1961	13/10/1984	Đại học	Phó trưởng phòng	20/01/2017		1			
46	Lưu Quang Ban	16/01/1960	17/09/1982	Đại học	Phó trưởng phòng	20/01/2017		1			
47	Lương Quang Dương	13/04/1966	01/10/1990	Thạc sỹ	chuyên viên				1		
48	Trần Xuân Tiếp	15/10/1980	01/09/2002	Tiến sỹ	chuyên viên				1		
49	Lê Đình Nam	19/09/1966	20/10/1986	Đại học	chuyên viên				1		
50	Phan Đức Kỳ	05/09/1978	31/08/2001	Đại học	chuyên viên				1		
51	Tăng Kim Huệ	21/04/1976	05/09/2000	Thạc sỹ	chuyên viên				1		
52	Nguyễn Trang Thùy Dung	02/07/1975	24/08/1997	Thạc sỹ	chuyên viên				1		
53	Nguyễn Tiến Lương	30/09/1984	02/09/2007	Thạc sỹ	chuyên viên				1		
54	Sù Chánh Phi	04/07/1972	01/09/2010	Đại học	chuyên viên				1		
IX	Phòng GDT&H							4	2	2	
55	Nguyễn Minh Kiểm	10/10/1962	01/04/1984	Đại học	Trưởng phòng	12/01/2017		1			
56	Huyền Công Thuận	12/06/1968	12/10/1991	Đại học	Phó trưởng phòng	12/01/2017		1			
57	Vũ Văn Minh	06/01/1972	01/02/1997	Đại học	chuyên viên				1		

STT	Tên	Ngày tháng năm sinh	Năm tuyển dụng	Trình độ chuyên môn	Chức vụ + Lĩnh vực phụ trách	Thời gian bổ nhiệm	Biên chế có mặt đến 01/11/2018			Ghi chú
							Tổng số	Lãnh đạo	Chuyên viên	
58	Nguyễn Khánh Hậu	15/06/1969	01/09/1990	Thạc sỹ	chuyên viên					
X	Phòng GDMN						4	1	3	
59	Trương Thị Thủy Ngân	13/11/1967	05/09/1987	Đại học	Trưởng phòng	26/09/2017		1		
60	Nguyễn Thị Lan	25/05/1964	12/10/1984	Đại học	chuyên viên			1		
61	Phạm Anh Đào	18/09/1965	15/03/1983	Đại học	chuyên viên			1		
62	Phan Thị Bích Hạnh	01/01/1970	20/12/1999	Đại học	chuyên viên			1		

Tổng cộng danh sách này có 62 người trong đó 56 biên chế và 06 hợp đồng theo Nghị định 68

